

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/LĐ-ST
Ngày 19-9-2025
V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Hồng

Bà Phạm Thị Bám.

àng Phong - **Thư ký phiên tòa:** Ông Văn Đức Mạnh - Thư ký Tòa án khu vực 3 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-LĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-LĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 19/TB-TA ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh Q; nơi cư trú: Thôn Q, xã P, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH W (trước đây là Công ty TNHH Y), địa chỉ trụ sở chính: Lô J, J11, Khu công nghiệp N - Hải Phòng, phường H, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Muneha H - Chức danh: Giám đốc Công ty TNHH W.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị N; nơi cư trú: Thôn N, xã K, thành phố Hải Phòng.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở A (trước là Bảo hiểm xã hội quận A), địa chỉ: Số A đường C, phường A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội cơ sở A: Ông Nguyễn Văn H1 – là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 32/GUQ-BHXXH ngày 05 tháng 8 năm 2025).

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở K (trước là Bảo hiểm xã hội huyện K), địa chỉ: Số A đường B, xã P, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội cơ sở K: Ông Phạm Trường T – là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 151/GUQ-BHXXH ngày 03 tháng 9 năm 2025).

Toàn bộ các đương sự đều xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 7 năm 2025, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Minh Q trình bày:

Chị hiện là giáo viên Trường Trung học Cơ sở N1, địa chỉ: Xã A, thành phố Hải Phòng. Tháng 1 năm 2008, chị cho chị Nguyễn Thị N (sinh năm 1974, căn cước công dân số 036174002965 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/5/2021, địa chỉ: Thôn N, xã K, thành phố Hải Phòng) mượn hồ sơ cá nhân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Y (từ tháng 4/2018 đến nay có tên là “Công ty TNHH W”), địa chỉ: Lô J, J, Khu công nghiệp N - Hải Phòng, phường H, thành phố Hải Phòng. Chị N là người làm việc trực tiếp tại Công ty và tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (sau đây viết tắt là BHXH) theo sổ BHXH số 3109033751, nhưng sử dụng tên của chị - Nguyễn Thị Minh Q và đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian từ 01/2008 đến 03/2018, không phải do chị đóng. Chị không làm việc tại Công ty TNHH Y (Công ty TNHH W) ngày nào. Lý do chị cho chị N mượn hồ sơ cá nhân để chị N có việc làm tại Công ty TNHH Y (Công ty TNHH W), là do chị có quen biết với chị N nên cho chị N mượn hồ sơ cá nhân để xin việc, do thiếu hiểu biết nên chị đã cho mượn giấy tờ tùy thân, với mục đích hỗ trợ chị N có việc làm, không nhằm mục đích khác.

Cùng thời điểm đó, chị làm việc và tham gia đóng BHXH với mã số 8602004050 mang tên Nguyễn Thị Minh Q. Cụ thể, quá trình chị tham gia đóng BHXH từ tháng 09/1999 đến tháng 6/2025 như sau:

- Từ tháng 09/1999 đến tháng 8/2010: Trường THCS xã Đ;
- Từ tháng 09/2010 đến tháng 8/2016: Trường THCS xã K;
- Từ tháng 9/2016 đến tháng 1/2019: Trường THCS xã K;
- Từ tháng 2/2019 đến tháng 6/2023: Trường THCS thị trấn P;
- Từ tháng 7/2023 đến 6/2025: Trường THCS xã N1.

Như vậy, thời gian từ tháng 01/2008 đến tháng 03/2018, Nguyễn Thị Minh Q là chị đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cùng một thời điểm tại 02 tổ chức (trường học và Công ty TNHH Y). Việc trùng thời gian đóng bảo hiểm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị. Do trên hệ thống của Bảo hiểm Xã hội chị có hai sổ bảo hiểm xã hội nên chị gặp khó khăn trong việc giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hải Phòng giải quyết: Tuyên Hợp đồng lao động được giao kết giữa Công ty TNHH Y (nay là Công ty TNHH W) và chị Nguyễn Thị N (sử dụng tên Nguyễn Thị Minh Q) từ tháng 1/2008 đến tháng 3/2018 là vô hiệu.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu và nhận chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 24 tháng 7 năm 2025, bị đơn là Công ty TNHH W (trước đây là Công ty TNHH Y) trình bày:

Người lao động mang tên Nguyễn Thị Minh Q bắt đầu làm việc tại Công ty TNHH Y từ ngày 16 tháng 11 năm 2007. Người lao động và Công ty TNHH Y đã ký kết Hợp đồng lao động năm thứ nhất YC-3220 ngày 26 tháng 12 năm 2007, Hợp đồng lao động năm thứ hai YC-3220 ngày 26 tháng 12 năm 2008 và Hợp đồng lao động vô thời hạn YC-3220/VTH-2009 ngày 26 tháng 12 năm 2009. Ngày 27 tháng 03 năm 2018, người lao động Nguyễn Thị Minh Q viết đơn xin thôi việc tại Công ty. Ngày 03 tháng 04 năm 2018, Tổng giám đốc Công ty TNHH W (người chịu trách nhiệm pháp luật tại thời điểm này) đã ký quyết định nghỉ việc số 3220-2018/QĐ-NV đối với bà Nguyễn Thị Minh Q. Trong khoảng thời gian làm việc, bị đơn thanh toán đầy đủ các khoản chi phí lương, thưởng nếu có phát sinh hàng tháng qua thẻ ngân hàng mang tên Nguyễn Thị Minh Q.

Do đó, Công ty TNHH W xin xác nhận: Tại khoảng thời gian từ tháng 01/2008 đến tháng 03/2018, tại Công ty TNHH W có người lao động mang tên Nguyễn Thị Minh Q1 đã làm việc tại công ty.

Công ty TNHH W không biết các hành vi liên quan đến cho mượn sơ yếu lý lịch làm việc của chị Q1 và chị N, cũng không nhận được bất kỳ thông tin nào liên quan đến nội dung trên trong thời gian người lao động tên Q1 (thực tế là chị N) đang làm việc tại công ty. Công ty TNHH W đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Do không có thời gian tham gia, nên đề nghị Tòa án cho bị đơn vắng mặt tất cả các lần triệu tập, vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N trình bày:

Vào năm 2008, do chị có nhu cầu tìm việc làm nhưng nhiều tuổi để ký hợp đồng lao động tại các công ty (lúc đó chị lớn tuổi, không đủ điều kiện để tuyển dụng lao động vì các công ty tuyển người trẻ tuổi), chị và chị Nguyễn Thị Minh Q có quan hệ quen biết nên chị đã mượn thông tin cá nhân của Nguyễn Thị Minh Q

để ký hợp đồng lao động làm việc tại Công ty TNHH Y (nay là Công ty TNHH W); địa chỉ tại Lô J, J, Khu công nghiệp N - Hải Phòng, phường H, thành phố Hải Phòng từ tháng 01 năm 2008 đến tháng 3 năm 2018. Trong thời gian chị làm việc tại Công ty TNHH Y thì chị và Công ty TNHH Y đều tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Bảo hiểm xã hội quận A (nay là cơ sở A). Đến tháng 3 năm 2018, chị nghỉ việc tại Công ty TNHH Y và không tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ sau khi chị nghỉ việc đến nay, chị chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền bảo hiểm nào tại Bảo hiểm xã hội cơ sở A. Nay, chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Q, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Ngoài ra, chị Nguyễn Thị N khai: Sau khi mượn thông tin cá nhân của chị Q, trong quá trình bổ sung hồ sơ xin việc, Công ty TNHH Y yêu cầu chị xin xác nhận Sơ yếu lý lịch tại địa phương. Tại thời điểm đó, do thiếu hiểu biết pháp luật, khi kê khai thông tin trong Sơ yếu lý lịch, chị sử dụng thông tin cá nhân của chị Q nhưng sử dụng ảnh của chị và trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân xã K để xin xác nhận.

Tại Công văn số 33/BHXXH ngày 05 tháng 8 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội cơ sở A trình bày:

Qua tra cứu trên hệ thống dữ liệu bảo hiểm xã hội, chị Nguyễn Thị Minh Q, sinh ngày 22/11/1977 có 02 số bảo hiểm xã hội có mã số lần lượt là 3109033751 và 8602004050:

- Mã số 3109033751 tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Y từ tháng 01 năm 2008 đến tháng 03 năm 2018 và đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 3 năm 2018. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí tử tuất đến tháng 3 năm 2018 là 10 năm 03 tháng. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 03 năm 2018 là 09 năm 03 tháng (Có bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp kèm theo)

- Mã số 8602004050 tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 09 năm 1999 đến tháng 06 năm 2025; đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 09 năm 2010 đến tháng 11 năm 2014 và từ tháng 06 năm 2015 đến tháng 06 năm 2025. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí tử tuất đến tháng 08 năm 2025 là 25 năm 10 tháng. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 06 năm 2025 là 14 năm 04 tháng.

Nay chị Nguyễn Thị Minh Q yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, Bảo hiểm xã hội cơ sở An Dương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bảo hiểm xã hội cơ sở A không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu.

Tại Công văn số 195/BHXXH ngày 04 tháng 8 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội cơ sở K trình bày:

Qua tra cứu trên hệ thống dữ liệu của cơ quan BHXH cơ sở Kim T1 thì bà Nguyễn Thị Minh Q, sinh năm 1977, có 02 sổ BHXH có mã số như sau:

- Sổ BHXH thứ nhất: Mã số BHXH 3109033751 có thời gian tham gia đóng BHXH tại Công ty TNHH Y với chức danh công nhân từ tháng 01/2008 đến tháng 3/2018.

- Sổ BHXH thứ hai: Mã số BHXH 8602004050 có thời gian tham gia đóng BHXH tại các trường THCS: Đại Đức, Kim Đ, K, P, N tại huyện K - tỉnh Hải Dương (cũ) với chức danh giáo viên từ tháng 9/1999 đến nay.

Nay bà Nguyễn Thị Minh Q yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa Công ty TNHH W (trước đây là Công ty TNHH Y) và bà Nguyễn Thị N (sử dụng tên Nguyễn Thị Minh Q) từ tháng 01/2008 đến tháng 3/2018 là vô hiệu. Cơ quan BHXH cơ sở K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Cơ quan BHXH cơ sở K không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của H2 đồng lao động vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 122, 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh Q, tuyên bố hợp đồng lao động chị Nguyễn Thị N sử dụng thông tin cá nhân của chị Nguyễn Thị Minh Q để ký với Công ty TNHH W (trước đây là Công ty TNHH Y) là vô hiệu.

Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh Q khởi kiện Công ty TNHH W (trước đây là Công ty TNHH Y) yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, đây là vụ án “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” quy định tại khoản 5 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị

đơn có trụ sở tại phường H, thành phố Hải Phòng, nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Toàn bộ các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt toàn bộ các đương sự.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh Q về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

[3] Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ để xác định: Vào thời gian từ tháng 01 năm 2008 đến tháng 03 năm 2018, chị Nguyễn Thị N đã mượn hồ sơ cá nhân của chị Nguyễn Thị Minh Q để giao kết hợp đồng lao động vào làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH W (trước đây là Công ty TNHH Y) với tên Nguyễn Thị Minh Q. Cùng thời điểm đó, chị Nguyễn Thị Minh Q làm giáo viên và tham gia đóng Bảo hiểm xã hội tại Trường Trung học cơ sở Đ, K, K, P, N tại huyện K, tỉnh Hải Dương (cũ) từ tháng 9 năm 1999 cho đến tháng 6 năm 2025. Do đó, chị Nguyễn Thị Minh Q, sinh ngày 22 tháng 11 năm 1977, chứng minh nhân dân số: 141440618 (số căn cước công dân: 031077017687) có hai mã số bảo hiểm xã hội là 3109033751 và số 8602004050.

[4] Việc chị Nguyễn Thị N sử dụng hồ sơ cá nhân của chị Nguyễn Thị Minh Q để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH W (trước đây là Công ty TNHH Y) là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi giao kết hợp đồng lao động đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy, hợp đồng lao động được hai bên giao kết là hợp đồng không có hiệu lực và căn cứ các điều 122, 127 và 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị Nguyễn Thị N (sử dụng tên Nguyễn Thị Minh Q) với Công ty TNHH W (trước đây là Công ty TNHH Y) trong thời gian từ tháng 01 năm 2008 đến tháng 3 năm 2018 là hợp đồng vô hiệu.

[5] Về hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[6] Về án phí: Xét, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm nên chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 122, 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh Q. Tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị Nguyễn Thị N (sử dụng tên Nguyễn Thị Minh Q) với Công ty TNHH W (trước đây là Công ty TNHH Y) trong thời gian từ tháng 01 năm 2008 đến tháng 3 năm 2018 là hợp đồng vô hiệu.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Minh Q tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí lao động chị Nguyễn Thị Minh Q đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011810 ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố H (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3). Chị Nguyễn Thị Minh Q đã nộp đủ án phí lao động sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 3 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng (Thi hành án dân sự khu vực 3);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Hằng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

